

Số: 70/TB-UBND

Hoàng Diệu, ngày 25 tháng 7 năm 2023

THÔNG BÁO

Công khai quyết toán ngân sách xã năm 2022 của xã Hoàng Diệu

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách; Văn bản số 3949/BTC-NSNN ngày 5/4/2018 của Bộ Tài chính về việc thực hiện công khai ngân sách theo quy định của Luật NSNN 2015;

Xét đề nghị của Công chức Tài chính-Kế toán xã về việc thông báo công khai quyết toán ngân sách xã năm 2022.

Ủy ban nhân dân xã Hoàng Diệu thông báo công khai quyết toán ngân sách xã năm 2022 tại kỳ họp thứ 6 HĐND xã khóa XX.

(Có biểu số liệu kèm theo).

- Hình thức công khai:
- + Niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Hoàng Diệu.
- + Thông báo trên hệ thống loa truyền thanh xã.
- + Công khai trên trang thông tin điện tử xã Hoàng Diệu: hoangdieu.gialoc.haiduong.gov.vn.

- Thời gian công khai 30 ngày : Từ ngày 25/7/2023- 25/8/2023

Ủy ban nhân dân xã Hoàng Diệu thông báo để các tổ chức, cá nhân có liên quan được biết./.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện;
- TV Đảng ủy xã; TTHĐND xã;
- LĐUBND; Trưởng đoàn thể xã;
- Bí thư chi bộ, trưởng thôn;
- Lưu VP, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Du

CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG THU	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
Tổng số thu	15.290.756	Tổng số chi	15.290.756
I. Các khoản thu xã hưởng 100 %	307.724	I. Chi đầu tư phát triển	7.251.183
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	4.257.044	II. Chi thường xuyên	7.172.897
III. Thu bổ sung	10.311.440	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	866.676
- Bổ sung cân đối	3.141.000	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	
- Bổ sung có mục tiêu	7.170.440		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước			
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)	414.548		
Kết dư ngân sách			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu	14.454.956	14.454.956	15.290.756	15.290.756	105,78	105,78
I	Các khoản thu 100%	178.642	178.642	307.724	307.724	172,26	172,26
1	Phí, lệ phí	18.000	18.000	18.163	18.163	100,91	100,91
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	115.642	115.642	153.294	153.294	132,56	132,56
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			85.135	85.135		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác	45.000	45.000	51.132	51.132	113,63	113,63
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	3.903.194	3.903.194	4.257.044	4.257.044	109,07	109,07
1	Các khoản thu phân chia	308.000	308.000	233.228	233.228	75,72	75,72
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	57.000	57.000	85.457	85.457	149,93	149,93
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						

1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	21.000	21.000	21.600	21.600	102,86	102,86
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất	230.000	230.000	126.171	126.171	54,86	54,86
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	3.595.194	3.595.194	4.023.815	4.023.815	111,92	111,92
2.1	Thu tiền sử dụng đất	3.451.194	3.451.194	3.451.194	3.451.194	100,00	100,00
2.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						
2.3	Thuế tài nguyên						
2.4	Thuế giá trị gia tăng	96.000	96.000	300.152	300.152	312,66	312,66
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
2.6	Thuế thu nhập cá nhân	48.000	48.000	272.469	272.469	567,64	567,64
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn	61.680	61.680	414.548	414.548	672,10	672,10
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	10.311.440	10.311.440	10.311.440	10.311.440	100,00	100,00
1	Thu bổ sung cân đối	3.141.000	3.141.000	3.141.000	3.141.000	100,00	100,00
2	Thu bổ sung có mục tiêu	7.170.440	7.170.440	7.170.440	7.170.440	100,00	100,00

UBND Xã: Hoàng Diệu

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị tính: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH QT/DT(%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	14.454.956	7.251.194	7.203.762	15.290.756	7.251.183	8.039.573	105,78	100,00	111,60
	Trong đó:									
1	Chi giáo dục	497.328	477.972	19.356	497.318	477.962	19.356	100,00	100,00	100,00
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế	147.703	128.403	19.300	147.703	128.403	19.300	100,00	100,00	100,00
4	Chi văn hóa, thông tin	31.453		31.453	31.453		31.453	100,00		100,00
5	Chi phát thanh, truyền thanh	65.463		65.463	65.463		65.463	100,00		100,00
6	Chi thể dục, thể thao	51.453		51.453	71.453		71.453	138,87		138,87
7	Chi bảo vệ môi trường	31.500		31.500	31.500		31.500	100,00		100,00
8	Chi các hoạt động kinh tế	5.748.268	5.460.791	287.477	5.748.268	5.460.791	287.477	100,00	100,00	100,00

9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	6.852.918	1.184.028	5.668.890	6.163.515	1.184.027	4.979.488	89,94	100,00	87,84
10	Chi cho công tác xã hội	1.028.870		1.028.870	1.028.870		1.028.870	100,00		100,00
11	Chi khác				638.537		638.537			
12	Dự phòng									
13	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau				866.676		866.676			